

Số: 614 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 13 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
dự án “Khu dân cư Đức Thịnh, thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hoà”**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 332/TTr-TNMT ngày 13/6/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Khu dân cư Đức Thịnh, thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hoà” (sau đây gọi là dự án) của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hiệp Hoà (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức

1. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định¹: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án; về kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt các nội dung, yêu cầu về bảo

¹ Thành lập theo Quyết định số 380/QĐ-TNMT ngày 08/5/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường

vệ môi trường của dự án tại Điều 1 Quyết định này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư; UBND huyện Hiệp Hòa; UBND thị trấn Thăng; Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện Hiệp Hòa và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện Hiệp Hòa (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
 - + Công thông tin điện tử tỉnh;
 - + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
 - + Lưu: VT, MT.Toàn

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Ô Pích

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG DỰ ÁN
“KHU DÂN CƯ ĐỨC THỊNH, THỊ TRẤN THẮNG, HUYỆN HIỆP HÒA”
(Kèm theo Quyết định số 614 /QĐ-UBND ngày 13 /6/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khu dân cư Đức Thịnh, thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hoà.
- Địa điểm thực hiện: Thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.
- Chủ dự án: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hiệp Hoà.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

* Phạm vi: Dự án được thực hiện tại thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

* Quy mô, công suất của dự án: Dự án được đầu tư xây dựng trên khu đất khoảng 8,7ha theo bản vẽ quy hoạch chi tiết 1/500 đã được UBND huyện Hiệp Hoà phê duyệt, bao gồm các hạng mục: San nền; hệ thống giao thông nội bộ; hệ thống cấp nước và phòng cháy chữa cháy (PCCC); hệ thống thoát nước mưa, nước thải; hệ thống cấp điện TBA, điện sinh hoạt và điện chiếu sáng, đường dây trung thế; thông tin liên lạc, viễn thông; cây xanh cảnh quan.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

- Các hạng mục công trình của dự án đầu tư gồm: San nền; hệ thống giao thông nội bộ; hệ thống cấp nước và PCCC; hệ thống thoát nước mưa, nước thải; hệ thống cấp điện TBA, điện sinh hoạt và điện chiếu sáng, đường dây trung thế; thông tin liên lạc, viễn thông; cây xanh cảnh quan.

- Hoạt động của dự án đầu tư:

+ Hoạt động thi công, xây dựng các hạng mục công trình của dự án.

+ Hoạt động vận hành dự án.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

- Theo Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 04/10/2022 của HĐND tỉnh Bắc Giang về việc thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất; các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào các mục đích khác năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang thì dự án “Khu dân cư Đức Thịnh, thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hoà” có tổng diện tích thu hồi đất để thực hiện dự án là 87.000 m² trong đó diện tích đất lúa là 85.000 m².

- Theo báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Khu dân cư Đức Thịnh, thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hoà” thì tổng diện tích đất thực hiện dự án là 87.000 m², trong đó có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa 85.000 m².

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Việc chiếm dụng đất: Dự án chiếm 87.000 m² đất, trong đó: đất lúa 85.000 m²; đất khác 2.000m².

- Hoạt động giải phóng mặt bằng:

+ Tác động do hoạt động chuẩn bị mặt bằng: Phát quang thực vật, phá dỡ các công trình nằm trên phần diện tích thực hiện dự án (tháo dỡ dịch chuyển hạ ngầm đường điện; di dời mồ mả; phá dỡ đường bê tông hiện trạng; phá dỡ nhà cửa và phá dỡ tuyến mương xây cứng).

+ Tác động do chiếm dụng đất kênh mương thủy lợi, chiếm dụng đường giao thông.

- Hoạt động trong quá trình san lấp mặt bằng, thi công xây dựng.

+ Bụi, khí thải phát sinh từ các nguồn sau:

++ Bụi phát sinh từ hoạt động san nền, đào đắp móng; từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng; từ quá trình bốc xúc vật liệu xây dựng; từ quá trình lưu trữ nguyên vật liệu; từ quá trình thi công lớp cấp phối đá dăm; từ quá trình vệ sinh công trường sau thi công hoàn chỉnh,...

+ Bụi, khí thải từ hoạt động đốt cháy nhiên liệu của máy móc, thiết bị thi công,...

+ Khí thải phát sinh từ công đoạn hàn kim loại.

+ Khí thải phát sinh từ hoạt động tưới nhựa dính bám và trải thảm bê tông nhựa.

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân tham gia thi công xây dựng trên công trường; nước thải từ quá trình thi công (từ hoạt động vệ sinh dụng cụ, thiết bị và từ hoạt động rửa xe,...) và nước mưa chảy tràn trên bề mặt dự án.

+ Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng; đất đào phát sinh từ hoạt động thi công san nền và xây dựng các hạng mục công trình dự án; từ hoạt động phát quang thảm thực vật; từ hoạt động phá dỡ công trình hiện trạng và chất thải rắn xây dựng phát sinh do hoạt động thi công xây dựng dự án; chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công, xây dựng.

- Tác động do rủi ro, sự cố tai nạn lao động; sự cố tai nạn giao thông; sự cố cháy nổ; các rủi ro, sự cố thiên tai,...

2.2. Giai đoạn vận hành dự án

- Hoạt động của các hộ các hộ gia đình; nhà văn hoá; khu công cộng dịch vụ.

+ Phát sinh nước thải, rác thải, bụi, khí thải nhà bếp từ các hoạt động sinh hoạt hàng ngày.

+ Phát sinh bụi, khí thải từ hoạt động giao thông; từ hoạt động đun nấu trong khu dân cư. Khí, mùi phát sinh từ khu tập kết rác thải; từ trạm xử lý nước thải.

+ Chất thải nguy hại như: dầu thải, pin hỏng; găng tay, giẻ lau dính chất thải nguy hại,...

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

+ Chất thải phát sinh từ quá trình duy tu, sửa chữa công trình hạ tầng kỹ thuật.

- Nước mưa chảy tràn trên mặt bằng sân, mái nhà, đường giao thông của dự án kéo theo bụi bẩn từ mái nhà, sân bãi, đường đi xuống hệ thống thoát nước.

- Tác động do sự cố tai nạn giao thông; sự cố cháy nổ; sự cố về bão lụt, ngập úng; sự cố hệ thống thu gom nước thải; sự cố trạm xử lý nước thải,...

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

3.1.1. Nước thải, khí thải

- Nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng phát sinh khoảng 2,4 m³/ngày đêm, với thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), dầu mỡ động thực vật, tổng Coliforms,...

+ Nước thải thi công bao gồm nước thải từ hoạt động rửa nguyên vật liệu, vệ sinh dụng cụ, thiết bị và từ hoạt động rửa xe,... phát sinh khoảng 2,0 m³/ngày (trong đó: nước thải từ hoạt động rửa nguyên vật liệu, vệ sinh dụng cụ, thiết bị (*cuốc, xẻng, dao xây, thước xây, xô thùng đựng vật liệu,....không dính dầu mỡ*),... phát sinh khoảng 1,0 m³/ngày; nước thải từ hoạt động rửa xe phát sinh khoảng 1,0 m³/ngày), với thông số ô nhiễm đặc trưng là chất rắn lơ lửng, BOD₅, COD, tổng dầu mỡ khoáng,...

+ Nước mưa chảy tràn: Vào những khi trời mưa, nước mưa chảy tràn trên khu vực dự án sẽ cuốn theo đất, cát, chất cặn bã, dầu mỡ xuống cống thoát nước xung quanh gây bồi lắng hệ thống thoát nước trong khu vực, với thông số ô nhiễm đặc trưng là COD, tổng chất rắn lơ lửng,...

- Bụi, khí thải:

+ Bụi phát sinh từ hoạt động san nền, đào đắp móng; từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng; từ quá trình bốc xúc vật liệu xây dựng; từ quá trình lưu trữ nguyên vật liệu; từ quá trình thi công lớp cấp phối đá dăm; từ quá trình vệ sinh công trường sau thi công hoàn chỉnh,...., với thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi.

+ Bụi, khí thải từ hoạt động đốt cháy nhiên liệu của máy móc thiết bị thi công,...., với thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, SO₂, NO_x, bụi,...

+ Khí thải phát sinh từ công đoạn hàn kim loại, với thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, NO_x, khói hàn,...

+ Khí thải phát sinh từ hoạt động tưới nhựa dính bảm và trải thảm bê tông nhựa, với thông số ô nhiễm đặc trưng là hơi hữu cơ VOC,...

3.1.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân thi công, xây dựng khoảng 8 kg/ngày.

- Chất thải rắn thông thường phát sinh từ quá trình phát quang thực vật khoảng 18,7 tấn; từ phá dỡ công trình hiện trạng khoảng 760,12 tấn (*trong đó: tháo dỡ dịch chuyển hạ ngầm đường điện khoảng 5,03 tấn; di dời mố má 2 tấn; phá dỡ đường bê tông hiện trạng 60,75 tấn; phá dỡ nhà cửa 602,34 tấn và phá dỡ tuyến mương xây cứng khoảng 90 tấn*), với thành phần chủ yếu là cây cối, hoa màu, bê tông, gạch vỡ,...

- Đất đào phát sinh khi thi công san nền và xây dựng các hạng mục công trình dự án khoảng 39.630,68 m³.

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động thi công, xây dựng khoảng 192,97 kg/ngày (như: đầu mối sắt thép, bao bì carton, cốp pha, ván khuôn, gạch vỡ, cặn bê tông, vữa dư thừa,...).

- Chất thải nguy hại (như: giẻ lau, găng tay nhiễm thành phần nguy hại, dầu nhớt tổng hợp thải, que hàn thải,...) phát sinh khoảng 126,64 kg/tháng.

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của các máy móc, thiết bị xây dựng và các phương tiện vận tải vận chuyển nguyên vật liệu.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.1.4. Các tác động khác

- Tác động lên kinh tế - xã hội khu vực; tác động đến giao thông khu vực và trên tuyến đường vận chuyển; tác động đến các hộ dân sống dọc tuyến đường vận chuyển và các khu dân cư hiện trạng, tổ chức xung quanh dự án,...

- Tác động do rủi ro, sự cố tai nạn lao động; sự cố tai nạn giao thông; sự cố cháy nổ; các rủi ro, sự cố thiên tai,...

3.2. Giai đoạn vận hành dự án

3.2.1. Nước thải, khí thải

* Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt các hộ dân sinh sống trong dự án; từ nhà văn hóa; các công trình công cộng dịch vụ trong dự án và nước thải từ khu dân cư hiện trạng (*khoảng 25 hộ gia đình thuộc tổ dân phố An Thông phía Tây và phía Tây Nam dự án*) khoảng 129,69 m³/ngày đêm (*trong đó: nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt các hộ dân sinh sống trong khu dân cư, nhà văn hóa và các công trình công cộng dịch vụ trong dự án 117,69 m³/ngày đêm; nước thải phát sinh từ 25 hộ dân hiện trạng 12 m³/ngày đêm*), với thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Dầu mỡ động thực vật, tổng Coliforms,...

* Nước mưa chảy tràn: Nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án cuốn theo các chất bẩn vào nguồn tiếp nhận.

* Bụi, khí thải:

+ Khí thải phát sinh từ phương tiện giao thông ra vào khu dân cư, với thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi, CO, NO_x, SO₂, THC,...

+ Khí thải phát sinh từ hoạt động đun nấu trong khu dân cư, với thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, NO₂, NO₂, THC,...

+ Mùi hôi từ khu tập kết rác thải, với thông số ô nhiễm đặc trưng là NH₃, H₂S,...

+ Mùi hôi phát sinh từ hệ thống thu gom nước thải, trạm xử lý nước thải, với thông số ô nhiễm đặc trưng là H₂S, Mercaptane, CH₄,...

+ Khí thải từ hoạt động của máy điều hòa nhiệt độ.

3.2.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn sinh hoạt và dịch vụ phát sinh từ dự án khoảng 1.557,6 kg/ngày đêm. Bùn thải từ các bể tự hoại phát sinh khoảng 32,48 m³/năm. Bùn thải phát sinh từ trạm xử lý nước thải khoảng 37,5 m³/năm.

- Chất thải nguy hại từ hoạt động của dự án (như: dầu thải; pin hỏng; găng tay, giẻ lau dính chất thải nguy hại,...) phát sinh khoảng 766,95 kg/năm.

3.2.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn phát sinh không đáng kể từ hoạt động của phương tiện giao thông; từ hoạt động kinh doanh của một số hộ gia đình, khu thương mại- dịch vụ,...

3.2.4. Các tác động khác

- Tác động đến kinh tế - xã hội khu vực; đến an ninh trật tự, tác động từ việc chăm sóc cây xanh...

- Tác động do sự cố như: Sự cố tai nạn giao thông; sự cố cháy nổ; sự cố về bão lụt, ngập úng; sự cố hệ thống thu gom nước thải; sự cố trạm xử lý nước thải,...

4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

* Nước thải sinh hoạt:

Trang bị 01 nhà vệ sinh di động với bể chứa chất thải dung tích từ 7m³ đến 10m³ đặt trên công trường xây dựng, đồng thời Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng đến hút chất thải tại bể chứa mang đi xử lý theo quy định (tần suất khoảng 02 lần/tuần hoặc khi bể chứa đầy).

* Đối với nước mưa chảy tràn:

- Vạch tuyến phân vùng thoát nước mưa. Các tuyến thoát nước tạm thời phải đảm bảo tiêu thoát triệt để, không gây úng ngập trong suốt quá trình xây dựng và không làm ảnh hưởng đến khả năng thoát thải của các khu vực bên ngoài dự án.

- Thiết kế rãnh thoát nước tạm thời giai đoạn thi công dự án là rãnh đất từ B400 đến B600 tổng chiều dài khoảng 650m, trên mương rãnh có bố trí các hố ga lắng cặn thể tích từ 1m^3 đến $1,5\text{m}^3$ khoảng cách trung bình từ 20 đến 30m, hướng thoát nước phù hợp theo thiết kế san nền từ Đông sang Tây và từ Nam xuống Bắc.

- Thường xuyên kiểm tra rãnh thoát nước, nạo vét bùn tại các hố ga với tần suất 01 lần/tháng và trước các trận mưa lớn để phòng ngừa tắc nghẽn, tránh nguy cơ gây ngập úng.

* Nước thải thi công, xây dựng:

- Đối với nước thải từ hoạt động rửa nguyên vật liệu; vệ sinh dụng cụ, thiết bị (*cuốc, xẻng, dao xây, thước xây, xô thùng đựng vật liệu,....không dính dầu mỡ*): Bố trí khoảng 05 thùng phuy, dung tích 200 lít/thùng phục vụ chứa nước thải từ hoạt động rửa nguyên vật liệu; vệ sinh dụng cụ, thiết bị, sau đó nước thải này được tận dụng cho công tác phối trộn vữa, bê tông,... hoặc đập bụi tại chỗ khu vực thi công, không thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Đối với nước thải phát sinh từ hoạt động rửa xe: Bố trí rãnh B300 tạm thời để thu gom nước thải lẫn dầu về bể lắng tách, xử lý dầu có dung tích 16m^3 ($4\text{m} \times 2\text{m} \times 2\text{m}$) đặt tại khu vực cầu rửa xe. Trong bể xử lý được chia làm 2 ngăn mỗi ngăn 8m^3 ($2\text{m} \times 2\text{m} \times 2\text{m}$), trong đó:

+ Ngăn thứ nhất đổ cát thô khoảng 4/5 bể có tác dụng lọc cặn dầu, dầu nhờ tác dụng bám dính của dầu lên bề mặt cát để tách dầu, cặn dầu ra khỏi nước. Dầu mỡ được bám dính vào cát: Định kỳ 02 tuần/lần hớt lớp cát bề mặt khoảng 5cm lưu giữ và xử lý cùng chất thải nguy hại. Sau đó lại bổ sung lượng cát vừa đủ vào ngăn thứ nhất để tiếp tục quy trình xử lý tiếp theo.

+ Ngăn thứ 2 là ngăn chứa nước đồng thời có tác dụng lắng cặn trước khi tuần hoàn sử dụng.

Nước thải sau xử lý được tuần hoàn sử dụng lại phục vụ quá trình rửa xe, không xả thải ra ngoài môi trường.

4.1.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Tất cả các phương tiện vận chuyển nguyên liệu (đất, cát, xi măng, đá...) được phủ kín thùng xe để ngăn ngừa phát tán bụi vào môi trường.

- Thực hiện phun nước tưới ẩm để đập bụi với tần suất tùy thuộc vào giai đoạn thi công xây dựng như sau:

+ Trong quá trình san nền: Thực hiện phun nước chống bụi, tần suất trung bình 2 lần/ngày và tăng tần suất lên từ 3 đến 4 lần/ngày vào các ngày nắng nóng, gió mạnh tại những khu vực phát sinh ra nhiều bụi.

+ Trong quá trình thi công đào đắp, thi công các hạng mục: Phun nước tưới ẩm tại khu vực đào đắp với tần suất trung bình 2 lần/ngày khi thực hiện công tác lu lèn, đầm nén và tăng tần suất lên từ 3 đến 4 lần/ngày vào những ngày hanh khô để giảm bụi phát tán.

+ Quá trình vận chuyển: Tưới ẩm dọc theo các tuyến đường vận chuyển vật liệu xây dựng 02 lần/ngày, tăng tần suất lên từ 3 đến 4 lần/ngày trong những ngày khô hanh, nắng nóng, chiều dài tuyến đường phun nước trong phạm vi 1km từ vị trí dự án.

+ Quá trình thi công lớp cấp phối đá dăm: Thực hiện phun nước tưới ẩm với tần suất khoảng 5 - 6 lần/ngày, đặc biệt là vào những ngày thời tiết khô hanh

- Phía giáp với khu dân cư được dựng hàng rào bằng tôn cao từ 2 đến 3m hạn chế bụi phát tán từ quá trình san lấp, đặc biệt là khu vực phía Tây và phía Bắc khu vực dự án giáp với Khu dân cư Tổ dân phố An Thông và Trung Đồng.

- Các phương tiện đi ra khỏi công trường được vệ sinh sạch sẽ, tránh đất rơi vãi hoặc dính vào bánh xe ra đường.

- Không sử dụng các phương tiện, thiết bị (xe, máy thi công quá cũ) đã quá thời gian đăng kiểm hoặc không được các trạm đăng kiểm cấp phép do lượng khí thải vượt quá tiêu chuẩn cho phép.

- Trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động (găng tay, nón bảo hộ, kính bảo vệ mắt, khẩu trang...) cho công nhân làm việc tại công trường và tuyệt đối tuân thủ các quy định về an toàn lao động khi lập đề án tổ chức thi công.

- Trong quá trình hàn cắt kim loại che chắn bằng các vật liệu không cháy hoặc di chuyển các vật liệu dễ cháy ra khỏi khu vực hàn cắt (tối thiểu 10m). Không để vảy hàn có nhiệt độ cao tiếp xúc với các vật liệu dễ cháy, phải có biện pháp an toàn phòng cháy chữa cháy và phương án xử lý cháy, nổ. Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân trực tiếp hàn.

- Đối với bụi từ quá trình thi công lớp cấp phối đá dăm: Hoàn thành dứt điểm theo hình thức thi công cuốn chiếu, khống chế việc lộ mặt đường cấp phối kéo dài để không gây tác động đến môi trường không khí do việc phát tán bụi vào mùa khô ảnh hưởng đến sức khỏe công nhân trên công trường, các nhà dân xung quanh dự án. Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân trực tiếp thực hiện công đoạn này (như: kính mắt, khẩu trang, mũ bảo hộ, quần áo bảo hộ,...).

- Đối với bụi, khí thải phát sinh từ quá trình thảm bê tông nhựa nóng:

+ Đối với bụi phát sinh từ thổi bụi mặt đường trước khi trải nhựa: Thi công đến đâu vệ sinh sạch đến đó để giảm thiểu tối đa lượng bụi phát sinh trên mặt đường cần thổi. Khi thi công thổi bụi chọn thời điểm thích hợp ít người qua lại; ít ảnh hưởng đến nhà dân. Thổi bụi xuôi theo hướng gió và đúng kỹ thuật để giảm tối đa khả năng phát tán bụi ra xa. Dựng hàng rào chắn công trường thi công để giảm khả năng phát tán bụi. Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân thi công. Về phía khu dân cư không thổi bụi vào những ngày, những giờ có gió để hạn chế sự phát tán bụi ra xa gây ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân. Về phía giao thông khu vực, không thổi bụi vào những giờ cao điểm có mật độ người tham gia giao thông đông đúc.

+ Đối với khí thải từ quá trình thảm bê tông nhựa nóng:

++ Sử dụng công nghệ trải thảm bê tông nhựa nóng được cơ quan chuyên ngành thẩm định và phê duyệt. Làm sạch, bằng phẳng và làm khô mặt lớp

móng, tưới nhựa thấm bám trên lớp mặt móng trước khi tiến hành rải lớp bê tông nhựa nóng;

++ Trang bị khẩu trang phòng độc, kính phòng hộ bảo vệ mắt, găng tay, mũ, quần áo bảo hộ cho công nhân;

++ Tránh thi công trải nhựa đường vào các giờ cao điểm nhằm giảm ảnh hưởng mùi, nhiệt trong quá trình thi công đến người dân trong khu vực dự án.

- Đối với bụi từ quá trình vệ sinh công trình sau thi công: Thực hiện phun nước tưới ẩm trước khi quét dọn vào thời tiết khô hanh. Thi công đến đâu dọn sạch đến đó.

4.1.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

4.1.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

* Chất thải rắn sinh hoạt:

Bố trí 02 thùng chứa rác có nắp đậy, dung tích 100 lít/thùng, đặt tại khu vực lán trại của công nhân để thu gom, lưu giữ chất thải; đồng thời, Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định (tần suất 01 lần/ngày).

* Chất thải rắn thi công, xây dựng:

- Chất thải từ quá trình phát quang thực vật: Trước khi tiến hành giải phóng mặt bằng, Chủ dự án phối hợp với chính quyền địa phương thông báo cho người dân thu hoạch toàn bộ nông sản. Những phần sinh khối người dân không sử dụng như gốc, rễ, thân cây,..., Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Đất đào phát sinh thi công san nền và xây dựng các hạng mục công trình dự án (khoảng 39.630,68 m³): Tận dụng lại toàn bộ để làm vật liệu san nền cho dự án và đổ vào các lô đất trồng cây xanh, không vận chuyển ra ngoài. Trước khi thi công trên thực địa, Chủ dự án phải thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật về khoáng sản và pháp luật khác có liên quan.

- Chất thải rắn thông thường phát sinh từ phá dỡ công trình hiện trạng được phân loại và xử lý như sau:

+ Đường dây điện và thân cột được tháo dỡ, thu hồi về kho điện lực quản lý.

+ Các loại chất thải như bê tông, gạch vỡ từ phá dỡ công trình hiện trạng (*phá dỡ nhà cửa; mương xây hiện trạng; đường bê tông hiện trạng; di dời mô mã; tháo dỡ, dịch chuyển đường điện hiện trạng*): Được đập nhỏ gạch và bê tông, sau đó đổ vào lô san nền bãi đỗ xe để tiết kiệm kinh phí đầu tư dự án.

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động thi công, xây dựng được phân loại và xử lý như sau:

+ Các chất thải (như: gạch vỡ, cặn bê tông, vữa dư thừa,...): Được đập nhỏ và san lấp vào khu vực bãi đỗ xe của dự án.

+ Các loại chất thải có thể tái chế (như: đầu mẩu sắt thép, bao bì carton,...): Thu gom và bán cho các cơ sở thu mua, tái chế.

+ Các chất thải (như: cốp pha, ván khuôn,...) được tận dụng tối đa cho hoạt động thi công xây dựng công trình và tận dụng cho các công trình khác.

4.1.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Bố trí 08 thùng phuy có nắp đậy, dung tích 100 lít/thùng, đặt tại khu vực lưu trữ tạm thời chất thải nguy hại (CTNH) trên công trường để thu gom lượng CTNH có thể phát sinh. Mỗi loại CTNH được thu gom, lưu trữ, phân loại và dán nhãn CTNH theo đúng quy định. Bố trí khu vực lưu giữ tạm thời CTNH, có biển báo theo đúng quy định (container dung tích 06 m³).

Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại mang đi xử lý theo quy định (tần suất dự kiến 06 tháng/lần).

4.1.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Không sử dụng các thiết bị máy móc cũ, lạc hậu có khả năng gây ồn cao. Định kỳ kiểm tra máy móc, thiết bị để bảo trì, bảo dưỡng hoặc thay thế các thiết bị đã quá thời hạn sử dụng.

- Công nhân thi công trên công trường được trang bị bảo hộ lao động nhằm hạn chế hoặc chống ồn (như: mũ bảo hiểm, chụp tai...).

- Chống rung bằng việc hạn chế số lượng thiết bị thi công, đồng thời bố trí cự ly của các thiết bị có cùng độ rung để tránh cộng hưởng.

- Không sử dụng máy đầm rung, lu rung gây rung động lớn, ảnh hưởng đến kết cấu công trình hiện trạng.

- Kiểm tra mức ồn, rung trong quá trình xây dựng, từ đó đặt ra lịch thi công phù hợp để đạt mức ồn tiêu chuẩn cho phép theo các quy chuẩn hiện hành.

4.1.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Thuê đơn vị có chức năng rà phá bom mìn trước khi tiến hành san lấp và xây dựng.

- Thành lập đội phòng cháy, chữa cháy (PCCC) được lựa chọn từ các công nhân tham gia thi công lực lượng này được tổ chức học tập huấn luyện nghiệp vụ cơ bản về công tác PCCC. Bố trí bể chứa nước, đồng thời bố trí các thùng phuy 100 lít đựng cát khô.

- Phân luồng giao thông, hạn chế tối đa sự tập trung quá đông các phương tiện giao thông cùng lúc, treo biển chỉ dẫn hạn chế tốc độ trong khu vực thi công tránh các tai nạn đáng tiếc.

- Tại các nút giao, ngã ba, ngã tư trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu sẽ bố trí 02 người chỉ dẫn đường để phân luồng giao thông, hạn chế tối đa sự tập trung quá đông các phương tiện giao thông cùng lúc. Lập rào chắn tại khu vực công trường thi công, có bố trí các biển báo, cảnh báo nguy hiểm,... Thắp đèn chiếu sáng và lắp đèn tín hiệu cảnh báo tại đoạn đường có công trường thi công khi trời tối.

- Phổ biến nội quy an toàn lao động đối với toàn bộ công nhân tham gia thi công.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, các thiết bị ứng phó kịp thời với sự cố xảy ra.

- Đề ra các nội quy lao động, hướng dẫn cụ thể vận hành, an toàn cho máy móc, thiết bị. Đồng thời kiểm tra chặt chẽ và có biện pháp xử lý đối với các cá nhân vi phạm.

- Kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị thường xuyên nhằm đảm bảo thiết bị luôn hoạt động tốt.

- Trang bị đầy đủ dụng cụ, thiết bị, thông tin liên lạc, bảo hộ đáp ứng yêu cầu phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn để kịp thời ứng phó với các tình huống khẩn cấp.

- Thường xuyên nạo vét hệ thống cống rãnh, khơi thông dòng chảy, tăng khả năng tiêu thoát úng, thoát nước cho hệ thống thoát nước trong mùa mưa bão.

- Sử dụng các máy bơm công suất lớn để bơm nước tại vị trí ngập úng thoát ra điểm quy hoạch tiếp nhận.

4.2. Giai đoạn vận hành dự án

4.2.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.2.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

* Nước thải sinh hoạt

- Xây dựng mạng lưới thu gom nước thải riêng rẽ với mạng lưới thoát nước mưa.

- Đối với nước thải phát sinh từ khu vực dự án:

- + Nước thải phát sinh từ nhà tắm, giặt hay rửa chân tay, rửa dụng cụ nhà bếp hay rửa sàn được tách rác ngay tại nhà dân trước khi đầu vào hệ thống cống rãnh thu gom nước thải chung của dự án, rãnh được thiết kế là rãnh xây gạch B400, trên cống rãnh có bố trí hố ga lắng cặn.

- + Nước thải từ các nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ qua các bể tự hoại của từng hạng mục công trình, nước thải sau bể tự hoại được đầu vào hệ thống cống rãnh thu gom nước thải B400 dự án.

Sau đó nước thải từ các cống rãnh thu gom nước thải B400 sẽ đầu nối vào cống HDPE D300 trước khi dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung của dự án.

- Nước thải sinh hoạt từ khu dân cư hiện trạng (*khoảng 25 hộ gia đình thuộc tổ dân phố An Thông phía Tây và phía Tây Nam dự án*): Được thu gom về hệ thống thoát nước thải của dự án thông qua rãnh B400 về trạm xử lý nước thải của dự án (công suất 150 m³/ngày đêm).

Nước thải sau khi xử lý qua trạm xử lý nước thải tập trung của dự án (công suất 150 m³/ngày đêm) bảo đảm đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

* Nước mưa chảy tràn:

- Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế theo nguyên tắc tự chảy. Hệ thống thoát nước mưa thiết kế riêng biệt hoàn toàn với hệ thống thoát nước thải.

- Lưu vực và hướng thoát nước chính của dự án được chia thành hai khu vực chính như sau:

+ Lưu vực 1: Nằm ở phía Đông khu quy hoạch. Nước mưa của khu vực này được thoát vào các tuyến cống xây mới theo quy hoạch rồi thoát về tuyến cống chính BxH=(1,5mx1,5m).

+ Lưu vực 2: Nằm ở phía Tây khu đất khu quy hoạch. Nước mưa của khu vực này đổ vào tuyến cống xây mới rồi thoát theo hướng Nam - Bắc và Đông - Tây rồi thoát vào tuyến cống chính BxH=(1,5x1,5)m;

Nước mưa sau khi được thu gom về hệ thống cống hộp (1,5mx1,5m) sẽ chảy về hướng thoát ra ngoài Sa Long theo quy hoạch của thị trấn Thắng.

4.2.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Bố trí một cách hợp lý hệ thống cây xanh dọc theo tuyến giao thông. Đảm bảo tổng diện tích cây xanh cho toàn khu dự án. Cây xanh có tác dụng rất lớn trong việc hạn chế ô nhiễm không khí như giữ bụi, lọc sạch không khí, cản trở tiếng ồn phát tán.

- Toàn bộ mặt bằng sân, đường được trải nhựa hoặc bê tông hóa, vì vậy bụi và khí thải phát sinh trong quá trình lưu thông của các phương tiện giao thông không đáng kể. Ngoài biện pháp trồng cây xanh thì có thể hạn chế bằng biện pháp vệ sinh hàng ngày mặt bằng sân bãi và các tuyến đường chính, đường nội bộ trong dự án.

- Tiểu ban vệ sinh khu dân cư sẽ thường xuyên quét dọn, vệ sinh mặt đường nhằm hạn chế thấp nhất lượng bụi đất, lá cây trên mặt đường.

- Thu gom toàn bộ lượng chất thải rắn phát sinh, không để chất thải rắn tồn đọng qua ngày hôm sau và các thùng chứa chất thải rắn đều có nắp đậy.

- Hạn chế tối đa các mùi gây ô nhiễm (như: cống phải có nắp, nghiêm cấm vứt rác thải bừa bãi,...).

- Đơn vị tiếp quản dự án tiến hành nạo vét hố ga tiêu thoát nước thải của dự án (định kỳ 06 tháng/lần).

- Đối với mùi phát sinh từ trạm xử lý nước thải: Được thu gom, xử lý bằng phương pháp hấp thụ bằng dung dịch NaOH trước khi thoát ra ngoài môi trường. Ngoài ra, Chủ dự án thực hiện trồng dải cây xanh cách ly rộng 10m xung quanh khu vực trạm xử lý nước thải tập trung.

4.2.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

4.2.2. 1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

* Chất thải rắn sinh hoạt

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt tại các hộ gia đình: Các hộ gia đình tự bố trí thùng rác ngay nơi phát sinh (nhà ăn, nhà bếp, nhà vệ sinh) để thu gom rác thải.

- Đối với rác thải tại khu vực công cộng: Đơn vị nhận bàn giao quản lý dự án bố trí các thùng rác có nắp đậy đặt dọc tuyến đường nội bộ hoặc các lô cây xanh. Người dân có trách nhiệm thu gom rác thải phát sinh để vào các thùng chứa. Hàng ngày xe chở rác của đơn vị vệ sinh môi trường sẽ đến thu gom rác theo giờ cố định và vận chuyển đến khu xử lý rác thải tập trung của huyện Hiệp Hòa.

- Đối với lượng bùn thải từ bể tự hoại của các hộ gia đình: Các hộ gia đình có trách nhiệm thuê đơn vị chức năng hút cặn, thu gom, xử lý bùn cặn từ bể tự hoại trong công trình của mình (tần suất khuyến khích 01 lần/năm).

- Bùn từ trạm xử nước thải tập trung: Đơn vị nhận bàn giao quản lý dự án có trách nhiệm thuê các đơn vị có chức năng đến hút mang đi xử lý theo quy định (tần suất 03 tháng/lần).

4.2.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Đối với chất thải nguy hại từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng trạm biến áp: Vào thời kỳ thực hiện sửa chữa, bảo dưỡng thay dầu tại trạm biến áp có phát sinh lượng dầu thải lớn. Khi đó đơn vị được bàn giao quản lý dự án thuê đơn vị có chức năng thực hiện và thu gom, đem đi xử lý theo quy định, tránh các ảnh hưởng xấu đến môi trường và sức khỏe người dân trong khu dân cư và xung quanh. Lượng dầu này không lưu giữ tại dự án.

- Đối với chất thải nguy hại phát sinh tại các hộ gia đình: Đơn vị được bàn giao quản lý dự án phổ biến các quy định, cách thức thu gom, phân loại chất thải nguy hại và quản lý theo đúng quy định hiện hành. Các hộ gia đình chịu trách nhiệm thu gom, quản lý, xử lý chất thải nguy hại phát sinh tại gia đình mình theo quy định.

4.2.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

Trồng cây xanh xung quanh dự án. Cây xanh được trồng vây quanh dự án có tác dụng hấp thu tiếng ồn, chặn sự di chuyển của chất ô nhiễm từ đường giao thông bên cạnh tới dự án, đồng thời tạo cảnh quan đẹp, điều tiết vi khí hậu khu vực.

4.2.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Mạng lưới cấp nước cho hệ thống phòng cháy chữa cháy của khu vực thực hiện dự án được tổ chức theo mạng lưới vòng, chung với hệ thống cấp nước, đảm bảo cấp nước cho phòng cháy chữa cháy được tốt nhất. Hệ thống cấp nước chữa cháy của khu dự án là mạng áp lực thấp, khi có cháy xe cứu hỏa đến lấy nước tại họng cứu hỏa. Họng cấp nước cứu hỏa được bố trí nằm trên đường ống cấp nước HDPE D110. Trụ nước chữa cháy ngoài nhà được bố trí dọc theo đường giao thông khoảng cách giữa các trụ cứu hỏa từ 100m đến 150m/họng, đảm bảo bán kính phục vụ không quá 150 (m).

- Tuân thủ các phương án quy hoạch hệ thống thoát nước mưa, nước thải, đảm bảo cao độ cốt nền và xây dựng hệ thống mương rãnh đảm bảo tiêu thoát nước tự nhiên khi mưa to kéo dài.

- Thường xuyên nạo vét hệ thống công rãnh, khơi thông dòng chảy, tăng khả năng tiêu thoát úng, thoát nước cho hệ thống thoát nước trong mùa mưa bão.

- Dự phòng máy bơm nước cưỡng bức trong trường hợp ngập úng.

- Công thoát nước mưa chảy tràn được xây dựng có nắp đậy nhằm hạn chế rác thải, lá cây rơi xuống, đồng thời đội vệ sinh thường xuyên quét dọn, nạo vét mương thu gom nhằm đảm bảo khả năng tiêu thoát.

- Đối với công thoát nước thải: Bố trí song chắn rác, tách rác từ các hộ gia đình. Công rãnh thu gom nước thải chung bố trí hố ga có nắp đậy và định kỳ thực hiện nạo vét bùn nhằm tăng khả năng thu gom nước thải.

- Vận hành trạm xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật, có nhật ký vận hành, hàng ngày ghi chép đầy đủ các thông số vận hành như: lượng hóa chất sử dụng, tình trạng hoạt động của các thiết bị để có những khắc phục, sửa chữa và thay thế kịp thời khi có sự cố.

- Theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật máy móc, thiết bị của trạm xử lý nước thải khi vận hành, đặc biệt là các thiết bị điện. Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng đường ống dẫn, bơm... thay thế các thiết bị hỏng hóc của trạm xử lý nước thải, phát hiện sớm những nguyên nhân có thể dẫn đến sự cố để khắc phục kịp thời, đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải.

- Luôn dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị có nguy cơ hỏng cao (như: máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác...) để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

- Thực hiện phân chia làn đường, kẻ vạch đường chỉ dẫn, lắp biển báo giao thông, bật đèn đường chiếu sáng vào ban đêm.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án

5.1. Giai đoạn thi công, xây dựng (thuộc trách nhiệm của Chủ dự án)

** Không khí làm việc*

- Vị trí giám sát: 02 vị trí

+ 01 vị trí tại khu vực thi công xây dựng;

+ 01 vị trí tại khu vực cuối hướng gió, cách điểm thi công khoảng 20m.

- Thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, bụi, tiếng ồn, CO, SO₂, NO₂.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 02:2019/BYT; QCVN 03:2019/BYT; QCVN 26:2016/BYT; QCVN 24:2016/BYT.

5.2. Giai đoạn vận hành (thuộc trách nhiệm của đơn vị nhận bàn giao quản lý dự án)

** Nước thải sinh hoạt:*

- Vị trí giám sát: 01 vị trí nước thải sau trạm xử lý nước thải tập trung (công suất 150 m³/ngày đêm), trước khi xả thải ra môi trường.

- Thông số giám sát: pH; BOD₅; Tổng chất rắn lơ lửng (TSS); Tổng chất rắn hoà tan; Sunfua (tính theo H₂S); Amoni (tính theo N); Nitrat (NO₃⁻)(tính theo N); dầu mỡ động thực vật; Tổng các chất hoạt động bề mặt; Phosphat (PO₄³⁻) (tính theo P); Tổng Coliforms.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT, cột A.

Các tiêu chuẩn, quy chuẩn được sử dụng để so sánh đánh giá chất lượng môi trường trong chương trình giám sát nêu trên là những tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành phù hợp với thời điểm quan trắc, giám sát theo quy định.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện trách nhiệm của Chủ dự án theo quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và các quy định khác về trách nhiệm của Chủ dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định trước khi đưa dự án vào hoạt động chính thức theo quy định.

- Thực hiện đúng các giải pháp bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định, tổ chức thu gom, xử lý toàn bộ các loại chất thải.

- Hoàn thành xây dựng, vận hành các công trình, thiết bị xử lý chất thải phát sinh đảm bảo xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành trước khi thải ra môi trường; thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải và tiếng ồn đảm bảo các quy định về an toàn và vệ sinh môi trường.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về ứng cứu sự cố và các quy định khác của pháp luật trong toàn bộ các hoạt động của dự án.

- Trong quá trình thực hiện, nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 332/TTr-TNMT ngày 13/6/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.